

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

Trụ sở đăng ký 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 19 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-259

Chang Hung Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		206.827.484.139	245.185.119.780
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	10.048.378.526	13.741.019.930
Tiền	111		9.598.378.526	13.741.019.930
Các khoản tương đương tiền	112		450.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	120	4	31.174.899.000	36.127.095.400
Đầu tư ngắn hạn	121		65.730.739.308	49.090.316.928
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(34.555.840.308)	(12.963.221.528)
Phải thu ngắn hạn	130	5	150.573.389.206	186.906.965.760
Phải thu khách hàng	131		11.413.308.057	19.002.865.773
Trả trước cho người bán	132		40.631.312.832	145.796.801.016
Các khoản phải thu khác	135		98.528.768.317	22.107.298.971
Hàng tồn kho	140	6	10.030.892.733	5.060.331.163
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.999.924.674	3.349.707.527
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		108.636.367	138.532.726
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.092.864.564	308.071.359
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		-	59.524.442
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.798.423.743	2.843.579.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản dài hạn	200		1.314.184.455.466	1.273.422.566.530
Phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	4.345.621.247
Các khoản phải thu khác	218		4.345.621.247	4.345.621.247
Tài sản cố định	220		491.961.809.424	394.325.714.869
Tài sản cố định hữu hình	221	7	3.914.990.931	4.029.379.210
<i>Nguyên giá</i>	222		11.376.771.945	10.660.793.925
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.461.781.014)	(6.631.414.715)
Tài sản cố định vô hình	227	8	44.747.675.028	45.534.272.700
<i>Nguyên giá</i>	228		47.084.099.490	47.084.099.490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.336.424.462)	(1.549.826.790)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	443.299.143.465	344.762.062.959
Bất động sản đầu tư	240	10	192.660.607.952	96.391.944.455
<i>Nguyên giá</i>	241		224.224.251.966	115.808.292.204
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(31.563.644.014)	(19.416.347.749)
Đầu tư dài hạn	250	11	616.331.064.926	763.364.701.768
Đầu tư vào công ty con	251		128.263.107.279	125.236.222.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		141.080.309.000	223.800.194.279
Đầu tư dài hạn khác	258		371.311.265.631	459.159.303.316
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(24.323.616.984)	(44.831.017.827)
Tài sản dài hạn khác	260		8.885.351.917	14.994.584.191
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.791.093.605	1.885.383.091
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	5.163.758.312	11.771.701.100
Tài sản dài hạn khác	268		1.930.500.000	1.337.500.000
TỔNG TÀI SẢN	270		1.521.011.939.605	1.518.607.686.310

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		870.823.688.655	872.956.127.008
Nợ ngắn hạn	310		460.063.931.289	389.968.441.209
Vay ngắn hạn	311	13	235.127.329.526	245.801.391.579
Phải trả người bán	312		4.959.773.687	2.351.587.714
Người mua trả tiền trước	313		44.268.042.953	637.254.784
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	5.714.417.145	10.635.913.181
Phải trả người lao động	315		29.864.621.225	29.494.880.550
Chi phí phải trả	316	15	9.771.535.695	10.329.524.697
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	126.244.948.661	86.082.769.159
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	4.113.262.397	4.635.119.545
Nợ dài hạn	330		410.759.757.366	482.987.685.799
Nợ dài hạn khác	333	18	111.707.395.567	110.688.392.021
Vay dài hạn	334	19	194.281.092.890	217.741.830.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	20	104.771.268.909	154.557.463.778
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		650.188.250.950	645.651.559.302
Vốn chủ sở hữu	410		650.188.250.950	645.651.559.302
Vốn cổ phần	411	21	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	21	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	14.731.614.307
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	5.218.459.791
Lợi nhuận chưa phân phối	420		58.919.833.199	59.371.371.259
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.521.011.939.605	1.518.607.686.310

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 19 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	22	140.176.007.609	190.697.616.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(90.679.715)	(74.584.806)
Doanh thu thuần	10	22	140.085.327.894	190.623.031.677
Giá vốn hàng bán	11	23	(93.939.257.096)	(134.686.834.325)
Lợi nhuận gộp	20		46.146.070.798	55.936.197.352
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	73.617.980.990	63.526.069.234
Chi phí tài chính	22	25	(84.203.213.243)	(37.844.849.727)
Chi phí bán hàng	24		(3.035.294.894)	(2.653.250.279)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(31.817.075.018)	(26.824.926.163)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		708.468.633	52.139.240.417
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	49.573.994.078	8.622.797.715
Chi phí khác	32		(917.886.917)	(847.489.865)
Lợi nhuận trước thuế	50		49.364.575.794	59.914.548.267
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	(5.173.950.000)	(5.358.816.548)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(6.607.942.788)	869.042.813
Lợi nhuận thuần	60		37.582.683.006	55.424.774.532
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.505	2.218

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 19 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	14.731.614.307	5.218.459.791	47.831.195.917	634.801.842.318
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(690.458.358)	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	55.424.774.532	55.424.774.532
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.604.490.192)	(5.604.490.192)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	(37.483.325.500)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(796.783.498)	(796.783.498)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	14.731.614.307	5.218.459.791	59.371.371.259	645.651.559.302
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	37.582.683.006	37.582.683.006
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	4.988.229.708	(4.988.229.708)	-
Chuyển sang quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(2.262.462.404)	2.262.462.404	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.542.477.453)	(5.542.477.453)
Cổ tức (thuyết minh số 29)	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.528.006.905)	(2.528.006.905)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	58.919.833.199	650.188.250.950

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 19 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		49.364.575.794	59.914.548.267
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		10.228.514.797	5.514.053.105
Các khoản dự phòng	03		1.085.217.937	(39.695.285.871)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(3.032.215.099)
Lãi từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết	05		(20.695.800.000)	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức (Lãi)/lỗ từ kinh doanh chứng khoán	05		(39.516.115.567)	(23.848.916.913)
Chi phí lãi vay	06		(7.654.448.170)	22.592.172.160
			76.549.443.949	43.338.721.673
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		69.361.388.740	64.783.077.322
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		36.486.177.477	(82.397.540.142)
Biến động hàng tồn kho	10		(4.970.561.570)	2.701.876.954
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		46.574.296.874	20.767.704.217
			147.451.301.521	5.855.118.351
Tiền lãi vay đã trả	13		(75.635.108.723)	(40.193.822.842)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.358.816.548)	(9.237.419.136)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.592.341.506)	(6.634.999.375)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20		57.865.034.744	(50.211.123.002)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(153.716.937.698)	(74.859.256.008)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	3.797.040.000
Biến động tài sản dài hạn khác			(593.000.000)	(1.032.657.818)
Tiền thu từ kinh doanh chứng khoán			48.454.142.290	90.611.108.000
Tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết			105.202.800.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(27.639.251.074)	(81.223.561.846)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		37.713.297.497	25.852.442.672
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động đầu tư	30		10.014.051.015	(36.854.885.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(690.458.358)
Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	33		291.919.108.626	337.245.527.299
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(326.053.907.789)	(343.193.428.674)
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33		-	100.000.000.000
Tiền trả cổ tức	36		(37.436.928.000)	(37.425.544.000)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động tài chính	40		(71.571.727.163)	55.936.096.267

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.692.641.404)	(31.129.911.735)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		13.741.019.930	44.870.931.665
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	10.048.378.526	13.741.019.930

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 19 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa, bảo trì ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu như Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng, tài chính và ngân hàng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 134 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 140 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán có giao dịch phổ biến trên thị trường được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyên | 6 năm |

(j) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(l) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Khấu hao của các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 36 năm

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh sự đánh giá hiện tại của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(q) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) *Thu nhập cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	830.115.739	1.016.767.510
Tiền gửi ngân hàng	8.768.262.787	12.724.252.420
Các khoản tương đương tiền	450.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	10.048.378.526	13.741.019.930
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 15 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 14 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn vào:		
• Cổ phiếu niêm yết	42.430.739.308	20.886.466.928
• Cổ phiếu OTC	23.300.000.000	28.203.850.000
	<hr/>	<hr/>
	65.730.739.308	49.090.316.928
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(34.555.840.308)	(12.963.221.528)
	<hr/>	<hr/>
	31.174.899.000	36.127.095.400
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản đầu tư sau dự kiến được nắm giữ cho mục đích kinh doanh:

	31/12/2011	
	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông	2.400.000	31.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	500.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	331.010	10.059.213.808
- Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000
- Công ty Cổ phần Merufa	110.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội	62.850	628.035.500
- Công ty Cổ phần TIE	31.390	243.490.000
	<hr/>	<hr/>
	3.615.250	65.730.739.308
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu được ước tính dựa trên giá niêm yết trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 31.174.899.000 VND.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	12.963.221.528	17.289.000.000
Tăng dự phòng trong năm	11.452.618.780	-
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (thuyết minh số 11) (*)	10.140.000.000	-
Hoàn nhập	-	(4.325.778.472)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	34.555.840.308	12.963.221.528
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được phân loại lại từ đầu tư dài hạn sang ngắn hạn theo mục đích kinh doanh ngắn hạn đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 26.660 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 13.294 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 5.206 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.627 triệu VND) phải thu từ các bên liên quan.

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 5.754 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 115.327 triệu VND).

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 40.385 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 17.668 triệu VND).

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không cần lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2011 VND
Trong hạn	105.210.683.378
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	39.640.000
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	4.691.752.996
	<hr/>
	109.942.076.374
	<hr/>

6. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vật tư	68.774.902	22.528.761
Hàng hóa	9.962.117.831	5.037.802.402
	<hr/>	<hr/>
	10.030.892.733	5.060.331.163
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.030.443.103	2.691.197.028	2.939.153.794	10.660.793.925
Tăng trong năm	-	715.978.020	-	715.978.020
Số dư cuối năm	5.030.443.103	3.407.175.048	2.939.153.794	11.376.771.945
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.867.377.673	1.688.883.551	2.075.153.491	6.631.414.715
Khấu hao trong năm	213.858.276	383.580.413	232.927.610	830.366.299
Số dư cuối năm	3.081.235.949	2.072.463.964	2.308.081.101	7.461.781.014
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.163.065.430	1.002.313.477	864.000.303	4.029.379.210
Số dư cuối năm	1.949.207.154	1.334.711.084	631.072.693	3.914.990.931

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 3.096 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.193 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.796 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.163 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)****8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	14.634.054.300	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.549.826.790	-	1.549.826.790
Khấu hao trong năm	-	641.307.672	145.290.000	786.597.672
Số dư cuối năm	-	2.191.134.462	145.290.000	2.336.424.462
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	30.464.348.400	435.870.000	45.534.272.700
Số dư cuối năm	14.634.054.300	29.823.040.728	290.580.000	44.747.675.028

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 44.457 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 45.098 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	344.762.062.959	275.151.869.155
Tăng trong năm	114.072.049.783	74.518.125.281
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(15.534.969.277)	(2.548.841.876)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(435.870.000)
Chuyển sang đầu tư dài hạn	-	(1.158.394.700)
Thanh lý	-	(764.824.901)
Số dư cuối năm	443.299.143.465	344.762.062.959

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 144.312 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 293.039 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 17.015 triệu VND (2010: 19.155 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	58.501.737.304	115.808.292.204
Tăng trong năm	37.953.702.000	-	37.953.702.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.534.969.277	-	15.534.969.277
Chuyển từ đầu tư dài hạn khác	21.241.382.731	33.685.905.754	54.927.288.485
Số dư cuối năm	132.036.608.908	92.187.643.058	224.224.251.966
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	19.416.347.749	19.416.347.749
Khấu hao trong năm	4.237.389.780	3.897.663.665	8.135.053.445
Chuyển từ các chi phí phải trả	1.551.607.365	2.460.635.455	4.012.242.820
Số dư cuối năm	5.788.997.145	25.774.646.869	31.563.644.014
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	39.085.389.555	96.391.944.455
Số dư cuối năm	126.247.611.763	66.412.996.189	192.660.607.952

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 7.198 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.893 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 72.595 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 78.115 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vốn dài hạn vào:		
• Các công ty con	128.263.107.279	125.236.222.000
• Các công ty liên kết	141.080.309.000	223.800.194.279
Các khoản đầu tư dài hạn khác	371.311.265.631	459.159.303.316
	<hr/>	<hr/>
	640.654.681.910	808.195.719.595
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(24.323.616.984)	(44.831.017.827)
	<hr/>	<hr/>
	616.331.064.926	763.364.701.768
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và chưa được niêm yết) với giá trị ghi sổ là 189.738.566.590 VND, giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu này dựa trên giá niêm yết trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 175.602.307.656 VND.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	44.831.017.827	90.100.525.226
Phân loại lại sang dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (thuyết minh số 4)	(10.140.000.000)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(9.900.000.000)
Hoàn nhập	(10.367.400.843)	(35.369.507.399)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	24.323.616.984	44.831.017.827
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 16.798 triệu VND và các khoản đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 123.848 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: lần lượt là 20.571 triệu VND và 138.724 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%	8.328.000.000	8.328.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%	9.248.504.000	9.248.504.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	63,64%	3.500.000.000	3.500.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh vào ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%	56.000.000.000	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn (HUYNDAI)	Kinh doanh và bảo trì xe hơi, xe gắn máy, phụ tùng thay thế; kinh doanh thiết bị điện, vật liệu xây dựng, đại lý ký gửi, cung cấp dịch vụ cho thuê xe hơi, vận chuyển.	Giấy phép Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC) (*)	Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	99%	3.026.885.279	-
				<hr/>	
				128.263.107.279	125.236.222.000
				<hr/>	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các công ty liên kết					
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.120.000.000	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	3.221.600.000	3.221.600.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40%	31.750.000.000	31.750.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC) (*)	Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	-	1.526.885.279
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	16.798.709.000	16.798.709.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, tư vấn và đầu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	2.940.000.000	2.940.000.000
Công ty TNHH Savico-Vinaland (**)	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp văn phòng cho thuê và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	25%	82.850.000.000	164.043.000.000
				<hr/>	
				141.080.309.000	223.800.194.279

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, Công ty đã mua thêm 50% vốn góp vào Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC) và có quyền kiểm soát SSC kể từ ngày này.

(**) Trong năm, Công ty đã mua thêm 1% và đã thanh lý 25,5% vốn góp vào Công ty TNHH Savico-Vinaland lần lượt tại ngày 10 tháng 9 và ngày 16 tháng 9 năm 2011.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lỗ tính thuế mang sang	4.858.317.540	3.669.871.746
Chi phí phải trả	305.440.772	566.532.632
Doanh thu chưa thực hiện	-	7.535.296.722
	<hr/>	<hr/>
	5.163.758.312	11.771.701.100
	<hr/>	<hr/>

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn có đảm bảo	212.619.631.526	147.690.279.579
Vay ngắn hạn không có đảm bảo	-	1.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	212.619.631.526	149.490.279.579
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 19)	22.507.698.000	96.311.112.000
	<hr/>	<hr/>
	235.127.329.526	245.801.391.579
	<hr/>	<hr/>

Vay ngắn hạn có đảm bảo được đảm bảo bởi đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định vô hình, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ lần lượt là 26.660 triệu VND, 14.634 triệu VND, 16.798 triệu VND và 63.722 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: được đảm bảo bằng tài sản cố định vô hình và đầu tư dài hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 14.634 triệu VND và 60.749 triệu VND).

Các khoản vay này chịu lãi suất từ 14% đến 23% (2010: 12% đến 19.5%) một năm.

14. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.499.035	4.884.680.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.873.950.000	5.058.816.548
Thuế thu nhập cá nhân	809.968.110	692.416.451
	<hr/>	<hr/>
	5.714.417.145	10.635.913.181
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.513.137.137	3.843.190.800
Chi phí thuê	4.927.081.558	1.862.681.986
Phí kiểm toán	331.317.000	316.875.000
Các chi phí khác	-	4.306.776.911
	<hr/>	<hr/>
	9.771.535.695	10.329.524.697
	<hr/>	<hr/>

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cổ tức phải trả	450.797.700	12.912.218.700
Phải trả cho các bên liên quan (a)	66.861.425.067	30.000.000.000
Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba (b)	42.100.888.889	25.000.000.000
Trả thay các bên liên quan	12.682.992.137	15.000.000.000
Khác	4.148.844.868	3.170.550.459
	<hr/>	<hr/>
	126.244.948.661	86.082.769.159
	<hr/>	<hr/>

- a. Trong các khoản phải trả các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 7.804 triệu VND không chịu lãi và 59.057 triệu VND chịu lãi suất năm dao động từ 16% đến 20,5% một năm (2010: 14% một năm).
- b. Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba chịu lãi suất năm từ 3% đến 20% một năm (2010: từ 10,5% đến 14% một năm).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	4.635.119.545	-
Phân loại lại từ nguồn kinh phí sự nghiệp	-	4.868.845.230
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	5.542.477.453	5.604.490.192
Sử dụng quỹ trong năm	(6.064.334.601)	(5.838.215.877)
Số dư cuối năm	4.113.262.397	4.635.119.545

18. Nợ dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	11.701.852.154	12.250.324.630
Phải trả dài hạn khác	100.005.543.413	98.438.067.391
	111.707.395.567	110.688.392.021

Các khoản phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn của các đối tác cho việc tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

19. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn		
• Vay dài hạn có đảm bảo	99.288.790.890	179.617.942.000
• Vay dài hạn không có đảm bảo	17.500.000.000	34.435.000.000
	<hr/>	<hr/>
	116.788.790.890	214.052.942.000
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	100.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	216.788.790.890	314.052.942.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 13)	(22.507.698.000)	(96.311.112.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	194.281.092.890	217.741.830.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản có giá trị ghi sổ là 248.526 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 335.882 triệu VND).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất từ 16,8% đến 24,5% (2010: từ 10,5% đến 20,5%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 60.126 triệu VND, và chịu lãi suất là 19% một năm (2010: 15,5% một năm).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	131.204.722.348	137.436.201.800	137.436.201.800	-	-	-
Vay ngắn hạn	212.619.631.526	221.350.128.452	221.350.128.452	-	-	-
Phải trả người lao động	29.864.621.225	29.864.621.225	29.864.621.225	-	-	-
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	167.150.684.932	19.000.000.000	19.000.000.000	129.150.684.932	-
Vay dài hạn	116.788.790.890	199.225.310.956	48.006.116.112	39.894.717.259	78.770.476.085	32.554.001.500
Nợ dài hạn khác	111.707.395.567	111.707.395.567	62.080.628.506	11.701.852.154	-	37.924.914.907
	702.185.161.556	866.734.342.932	517.737.696.095	70.596.569.413	207.921.161.017	70.478.916.407

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả dài hạn dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền trả gốc và lãi trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay dài hạn	116.788.790.890	116.788.790.890
Các khoản phải trả dài hạn khác	111.707.395.567	65.074.982.997
	328.496.186.457	281.863.773.887

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, 94.281.092.890 VND nợ dài hạn và 235.127.329.526 VND vay ngắn hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm giảm lợi nhuận thuần đi 1.396.883.286 VND.

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Doanh thu chưa thực hiện từ việc thuê đất của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	56.933.333.320	58.153.333.324
Doanh thu từ Dự án Savico-Vinaland thể hiện chênh lệch trên đánh giá quyền khai thác dự án	47.046.852.000	94.275.090.000
Doanh thu khác	791.083.589	2.129.040.454
	104.771.268.909	154.557.463.778

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đã được duyệt	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	24.975.507	249.265.255.642	24.995.572	249.955.714.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(20.065)	(690.458.358)
Số dư cuối năm	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	75.650.072.555	84.942.738.456
• Dịch vụ	64.525.935.054	51.791.422.708
• Dịch vụ bất động sản đầu tư	-	53.963.455.319
	<hr/>	<hr/>
	140.176.007.609	190.697.616.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	(90.679.715)	(74.584.806)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	140.085.327.894	190.623.031.677
	<hr/>	<hr/>

23. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Hàng hóa đã bán	69.865.051.980	78.875.699.471
Dịch vụ đã cung cấp	15.939.151.671	19.324.007.623
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	8.135.053.445	3.958.938.102
Giá vốn bất động sản đã bán	-	32.528.189.129
	<hr/>	<hr/>
	93.939.257.096	134.686.834.325
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.059.306.450	2.499.671.743
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	13.404.147.750	9.705.311.000
Thu nhập từ các khoản đầu tư khác	20.695.800.000	29.859.559.115
Cổ tức	38.456.809.117	21.349.245.170
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.917.673	112.282.206
	<hr/> 73.617.980.990	<hr/> 63.526.069.234

25. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	76.549.443.949	43.338.721.673
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	5.749.699.580	32.297.483.160
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.085.217.937	(39.695.285.871)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	280.344.246	1.669.681.988
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	538.507.531	234.248.777
	<hr/> 84.203.213.243	<hr/> 37.844.849.727

26. Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập từ Dự án Savico-Vinaland	47.228.238.000	2.244.645.000
Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	-	3.797.040.000
Thu nhập khác	2.345.756.078	2.581.112.715
	<hr/> 49.573.994.078	<hr/> 8.622.797.715

Thu nhập từ Dự án Savico-Vinaland liên quan đến thu nhập do đánh giá lại quyền khai thác dự án đem góp vốn vào Công ty TNHH Savico –Vinaland, một công ty liên kết, như là một phần vốn góp của Công ty vào công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	5.173.950.000	5.358.816.548
<hr/>		
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(7.520.992.886)	(8.101.829.354)
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	8.101.829.354	559.115.826
Lỗi tính thuế mang sang được (ghi nhận)/sử dụng	(1.188.445.794)	6.673.670.715
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.215.552.114	-
	<hr/>	<hr/>
	6.607.942.788	(869.042.813)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	11.781.892.788	4.489.773.735

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	49.364.575.794	59.914.548.267
<hr/>		
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	12.341.143.949	14.978.637.067
Chi phí không được khấu trừ thuế	747.187.653	102.722.069
Thu nhập không chịu thuế	(4.807.101.140)	(6.340.790.967)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(3.714.889.788)	(4.250.794.434)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.215.552.114	-
	<hr/>	<hr/>
	11.781.892.788	4.489.773.735

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm, từ năm 2007 đến năm 2011.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	37.582.683.006	55.424.774.532

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2011	2010
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	24.975.507	24.995.572
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010	-	(7.263)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 7 năm 2010	-	(882)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2010	-	(1.903)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	24.975.507	24.985.524

29. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2011 đã quyết định chia cổ tức của năm 2010 là 24.976 triệu VND (đây là lần chia cổ tức thứ hai cho năm 2010 và bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2011 VND	2010 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	3.234.000.000	2.900.355.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	970.857.000	689.063.000
Thành viên Ban Kiểm soát	126.000.000	122.800.000
	<hr/>	<hr/>
	4.330.857.000	3.712.218.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2011 VND	2010 VND
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Công ty con	Trả trước mua hàng hóa	19.300.000.000	-
		Vay từ công ty con	12.500.000.000	-
		Thu nhập lãi cho vay	35.186.667	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức nhận từ công ty con	1.750.000.000	630.000.000
		Bán hàng hóa cho công ty con	49.401.422	-
		Mua hàng hóa từ công ty con	-	2.271.595.273
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô	Công ty con	Góp vốn	-	700.000.000
		Tiền thuê thu từ công ty con	2.809.744.344	2.608.383.881
		Cổ tức nhận từ công ty con	3.331.200.000	4.759.004.117
		Lãi vay	316.666.667	17.500.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Vay từ công ty con	-	1.500.000.000
		Góp vốn	-	1.375.754.117
		Nhận cổ tức từ công ty con	2.887.517.500	1.437.939.930
		Tiền thuê thu từ công ty con	612.705.454	421.788.000
		Mua hàng hóa từ công ty con	4.946.813.238	4.635.743.682
		Hoa hồng nhận từ công ty con	1.916.057.700	1.625.614.000
		Lãi vay	76.336.111	15.116.111
Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng (TGP)	Công ty con	Thu nhập lãi cho vay	-	22.306.438
		Vay từ công ty con	-	2.000.000.000
		Cổ tức nhận từ công ty con	18.931.913.017	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2011 VND	2010 VND
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa	30.950.000	-
		Cho công ty con vay	38.719.372.824	-
		Vay từ công ty con	5.000.000.000	10.000.000.000
		Lãi vay	1.245.789.491	-
		Vay từ Toyota Long Biên	14.143.500.000	-
		Thu nhập lãi cho vay	372.289.491	1.207.500.000
		Góp vốn	-	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Công ty con	Chi phí thuê thu từ công ty con	1.996.140.000	1.835.273.828
		Phí tư vấn thu từ công ty con	-	117.590.909
		Cho công ty con vay	-	3.000.000.000
		Vay từ công ty con	10.000.000.000	-
		Trả thay cho công ty con	-	7.591.325
		Thu nhập lãi cho vay	238.433.335	-
		Tạm ứng cho công ty con	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Công ty con	Bán hàng hóa cho công ty con	-	10.948.915.027
		Phí tư vấn thu từ công ty con	-	7.319.295
		Mua hàng hóa từ công ty con	-	792.727.273
		Góp vốn	-	5.100.000.000
		Cổ tức từ công ty con	765.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức từ công ty liên kết	4.114.170.000	3.428.100.000
		Nhận chuyên nhượng vốn góp từ công ty liên kết	3.314.000.000	-
		Vay từ công ty liên kết	15.000.000.000	20.000.000.000
		Lãi vay	201.452.055	-
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Chi phí thuê thu từ công ty liên kết	2.297.918.400	2.438.455.970

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2011 VND	2010 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	336.000.000	400.565.332
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	1.367.454.106	1.330.595.500
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	1.127.560.000	783.062.026
		Chi phí thuê thu từ công ty liên kết	333.447.292	-
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn thu từ công ty liên kết	-	1.713.986.163
		Chi phí thuê thu từ công ty liên kết	-	1.342.925.760
		Trả thay công ty liên kết	12.703.892.137	15.023.473.560
		Vay từ công ty liên kết	5.000.000.000	-

31. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	6.672.829.280	6.065.233.038
Từ hai đến năm năm	18.236.453.120	20.814.700.128
Trên năm năm	19.406.669.916	10.800.348.666
	44.315.952.315	37.680.281.832

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

32. Tài sản thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền	703
Tài sản tiền tệ khác	2.730.000
Nợ phải trả tiền tệ khác	(910.000)
	<hr/>
	1.820.703
	<hr/>

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
USD	20.828
	<hr/> <hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần tại ngày 31/12/2011 VND
USD (tăng thêm 10%)	3.323.047.637
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí mua hàng hóa	69.865.051.980	111.403.888.600
Chi phí nhân công và nhân viên	16.702.423.434	14.462.402.374
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.228.514.797	5.514.053.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.725.279.406	21.136.850.621
Các chi phí khác	7.270.357.392	11.647.816.068

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 19 tháng 3 năm 2012